

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DSST
Ngày: 09 - 8 - 2022
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC-TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980.

HKTT: ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: 116, ấp K, xã B, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1985

Chị Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 405/2, khóm 3, phường A, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Chị Đặng Kim N, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B1, xã C, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1953. Địa chỉ: 1069/1, Phường V, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
3. Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1981. Địa chỉ: 405/7, Khóm 3, Phường A, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
4. Anh Phạm Ngọc N1, sinh năm 1980. Địa chỉ: 405/2D, Khóm A, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:*

Chị Phạm Thị H có cho vợ chồng anh Phạm Ngọc D và Trần Thị Mỹ P vay tiền nhiều lần. Đến ngày 18/6/2017, chị H tổng kết số tiền vốn anh D, chị P còn nợ là 100.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền cùng ngày 18/6/2017, anh D và chị P thống nhất và ký tên vào giấy vay tiền, các bên thỏa thuận không tính lãi suất, thời gian trả tiền là ngày 18/12/2018.

Đến hạn trả tiền nhưng anh D, chị P không trả tiền vốn nên chị H nhiều lần đến nhà của anh D và chị P yêu cầu trả tiền nhưng thấy hoàn cảnh gia đình anh D, chị P khó khăn, đồng thời cũng vì chị H là cô của anh D nên chị H cho gia hạn thời gian trả tiền, nhưng đến nay anh D, chị P vẫn không trả tiền cho chị H.

Chị H xác định anh D, chị P chưa trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và chị H cũng không nhận khoản tiền lãi nào như phía anh D, chị P trình bày.

Nay chị Phạm Thị H yêu cầu anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Mỹ P liên đới trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đối với việc anh D, chị P yêu cầu khấu trừ tiền lãi, chị H xác định không có nhận tiền lãi từ anh D, chị P nên không đồng ý.

** Bị đơn anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Mỹ P trình bày:*

Chị P và chị H có làm ăn với nhau từ năm 2016. Trong quá trình làm ăn chị P nhiều lần vay tiền của chị H nhưng không có làm biên nhận, có thỏa

thuận lãi suất bằng miệng là 9%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả. Đến ngày 18/6/2017, khi chị H tổng kết nợ thì anh D, chị P thống nhất số tiền vốn còn nợ chị H là 100.000.000 đồng. Chị P, anh D thống nhất cùng ký tên vào tờ biên nhận vay tiền được chị H lập cùng ngày 18/6/2017. Nội dung biên nhận chỉ thể hiện số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, không có ghi lãi suất nhưng thực tế lãi suất mà hai bên thỏa thuận miệng là 9%/tháng. Mỗi tháng chị P đóng lãi cho chị H 9.000.000 đồng (chia làm 3 lần đóng lãi, 10 ngày thì chị P đưa cho chị H 3.000.000 đồng tiền lãi).

Đến tháng 12/2018 thì chị P không còn khả năng đóng lãi cho chị H nữa nên có xin chị H trả tiền vốn vay và được chị H đồng ý. Chị P trả cho chị H được 5 tháng mỗi tháng là 4.000.000 đồng, tổng số tiền vốn chị P và anh D đã trả cho chị H là 20.000.000 đồng.

Khi chị P, anh D trả tiền vốn và lãi cho chị H không có làm biên nhận, đồng thời việc chị H đồng ý cho anh D và chị P trả tiền vốn không tính lãi cũng không được lập thành văn bản.

Chị P và anh D xác định hiện nay chỉ còn nợ chị H số tiền vốn là 80.000.000 đồng nên chỉ đồng ý liên đới trả cho chị H số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định nhà nước mà anh D, chị P đã đóng cho chị H kể từ ngày 18/7/2017 đến hết tháng 12/2018.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Buộc anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Mỹ P liên đới trả cho chị Phạm Thị H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng. Án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị Phạm Thị H trình bày có cho anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Mỹ P vay 100.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền ngày 18/6/2017. Anh D, chị P thừa nhận có vay của chị H số tiền vốn là 100.000.000 đồng và có ký tên vào giấy vay tiền ngày 18/6/2017 nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H xác định khi cho anh D, chị P vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, từ khi vay đến nay anh D, chị P chưa trả tiền vốn nên chị H yêu cầu anh D, chị P liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[4] Về phía anh D, chị P xác định khi vay tiền có thỏa thuận miệng về lãi suất là 9%/tháng và anh D, chị P có đóng lãi 9.000.000 đồng/tháng cho chị H cho đến tháng 12/2018 thì được chị H đồng ý cho trả tiền vốn và anh D, chị P có trả được 05 lần mỗi lần 4.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý liên đới trả cho chị H số tiền 80.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định nhà nước mà anh D, chị P đã đóng cho chị H kể từ ngày 18/7/2017 đến hết tháng 12/2018.

[5] Xét thấy, lời trình bày của anh D, chị P không được chị H thừa nhận và anh D, chị H cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Những người làm chứng Đặng Kim N, Nguyễn Thị H1, Phạm Ngọc L, Phạm Ngọc N1 chỉ xác định chỉ nghe chị H và anh D, chị P nói lại sự việc vay tiền, họ không trực tiếp chứng kiến cũng như biết rõ việc vay tiền, trả vốn và lãi giữa các bên thế nào, đồng thời những người làm chứng cũng không

có chứng cứ khách quan nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó chưa có đủ cơ sở để xác định anh D, chị P có đóng lãi và trả được 20.000.000 đồng tiền vốn cho chị H.

[6] Đối với việc anh D, chị P yêu cầu điều chỉnh tiền lãi đã đóng cho chị H, nhưng anh D, chị P không có chứng cứ gì để chứng minh có lãi cho chị H nên yêu cầu của anh D, chị P là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Buộc anh Phạm Ngọc D, chị Trần Thị Mỹ P liên đới trả cho chị Phạm Thị H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 158, Điều 165, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, và điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Buộc anh Phạm Ngọc D, chị Trần Thị Mỹ P liên đới trả cho chị Phạm Thị H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án; mà người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc D, chị Trần Thị Mỹ P liên đới nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT. (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoàng Minh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Cao Thị Diệu Hiền – Nguyễn Thị Nhàn

Đặng Hoàng Minh

